

DAY HỌC DỰA VÀO LÍ THUYẾT HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN KỸ THUẬT

Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hữu Hợp

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Tóm tắt. Lí thuyết học tập trải nghiệm của Kolb là một lí thuyết giáo dục hiện đại được biết đến rộng rãi nhất. Nó có một vị trí quan trọng trong sự thay đổi từ quá trình giáo dục truyền thống sang quá trình giáo dục theo định hướng. Mục đích của bài viết này trình bày việc thực hiện giảng dạy dựa vào lí thuyết học tập trải nghiệm của Kolb trong đào tạo giáo viên kĩ thuật cùng các phương pháp áp dụng lí thuyết này.

Từ khóa: Lí thuyết học tập trải nghiệm, đào tạo giáo viên kĩ thuật, giáo viên kĩ thuật.

1. Mở đầu

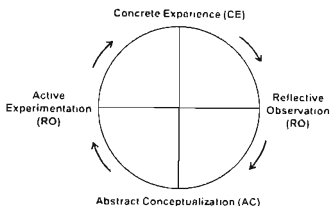
Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên kĩ thuật (GVKT) nói riêng đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục bởi vì giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 08/2012/TT-BGDĐT quy định chuẩn nghiệp vụ sư phạm (NVSP) cho giáo viên trung cấp chuyên nghiệp, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2012 là cơ sở cho việc thiết kế chương trình và tổ chức dạy học. Tuy nhiên, việc tìm kiếm phương pháp và chiến lược dạy học hiệu quả nhằm hướng đến chuẩn trên cần được quan tâm nghiên cứu áp dụng. Bài viết này đề cập đến hướng tiếp cận lí thuyết học tập trải nghiệm của David A Kolb (1984) như là phương pháp giúp đạt chuẩn NVSP đã ban hành, có thể vận dụng hiệu quả trong đào tạo GVKT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về lí thuyết học tập trải nghiệm của David A Kolb

Trong những năm qua, nhiều nhà giáo dục đã được tập trung nghiên cứu vào các nền tảng lí thuyết học tập trải nghiệm, đặc biệt là nghiên cứu của Kolb về lí thuyết học

lập trải nghiệm xuất bản trong năm 1984. Theo Kolb (Kolb, 1984), lí thuyết học tập trải nghiệm định nghĩa "học tập là một quá trình, trong đó kiến thức được tạo ra thông qua việc chuyển đổi kinh nghiệm. Kiến thức là kết quả từ sự kết hợp của việc nắm bắt và chuyển đổi kinh nghiệm" [4]. Mô hình học tập trải nghiệm mô tả hai cách thức nắm bắt kinh nghiệm giữa: thử nghiệm (CE) và khái niệm hóa (AC) và hai cách thức chuyển đổi kinh nghiệm giữa: quan sát suy ngẫm (RO) và trải nghiệm thực tế (AE).



Hình 1. Chu trình học tập trải nghiệm của Kolb [4]

Theo Kolb, các quá trình học tập được chia thành bốn nhóm cơ bản, phù hợp với bốn xu hướng học tập: (1) Quan sát suy ngẫm (RO): học tập thông qua quan sát các hoạt động do người khác thực hiện hoặc chiêm nghiệm lại bản thân, suy ngẫm và đúc kết những trải nghiệm; (2) Khái niệm hóa (AC): học tập thông qua việc xây dựng các khái niệm, tổng hợp và phân tích những gì quan sát được; (3) trải nghiệm thực tế (AE): học tập thông qua các hoạt động, hành vi, thao tác cụ thể, trực tiếp; (4) thử nghiệm (CE): học tập thông qua những thử nghiệm, đề xuất các phương án giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định

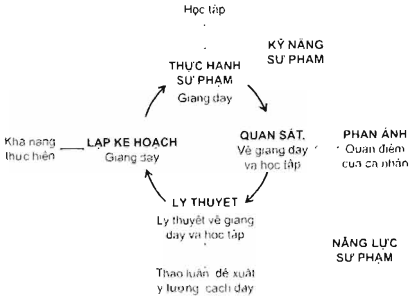
Trong đào tạo GVKT, có thể hiểu: Học tập trải nghiệm là quá trình học của sinh viên được trải qua những việc làm mô phỏng thực tế hoạt động sư phạm của nhà giáo, có tính chất thực hành và vận dụng trong nghề nghiệp như các bài tập tình huống, dự án nghiên cứu, các bài tập thiết kế - triển khai, các hoạt động học tập phục vụ cộng đồng, các mô hình đối thoại, các mô hình thảo luận, các mô hình phát triển giá trị... từ đó sinh viên đúc kết thành những kinh nghiệm cho bản thân, làm sáng tỏ các tri thức được học và hình thành kĩ năng nghề nghiệp [2].

2.2. Mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT đáp ứng chuẩn nghiệp vụ sư phạm

Theo Lê Đức Ngọc (2011), GVKT được đào tạo để giảng dạy kĩ thuật trong các trường giáo dục nghề nghiệp (gồm có trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề) nên họ cần đạt các chuẩn về NVSP do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Theo đó, GVKT cần đạt 5 tiêu chuẩn về NVSP là: 1- Năng lực hiểu biết đối tượng và môi trường giáo dục; 2- năng lực dạy học; 3- năng lực giáo dục; 4- năng lực hợp tác trong dạy học và giáo dục; 5- năng

lực phát triển NVSP [1].

Đào tạo GVKT đáp ứng chuẩn NVSP nói trên cần dựa vào những con đường, cách thức mà ở đó người học được trải nghiệm qua những tình huống và hoạt động sư phạm của nhà giáo có thể giúp họ chia sẻ giá trị và kinh nghiệm trong các mối quan hệ liên cá nhân và nhóm.



Hình 2. Mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT

Mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT đáp ứng chuẩn NVSP được minh họa trong Hình 2. Nó là sự vận dụng của chu trình học tập trải nghiệm của Kolb trong việc đào tạo và phát triển năng lực sư phạm và được thực hiện theo hình xoắn ốc để hình thành kỹ năng giảng dạy cho sinh viên.

Trong quá trình dạy học, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập và hướng dẫn sinh viên con đường tiếp thu tri thức và hình thành kỹ năng sư phạm thông qua hoạt động trải nghiệm. Sinh viên có thể bắt đầu hoạt động học tập thông việc thực hành sư phạm, qua đó liên tục quan sát và phản ánh hoạt động giảng dạy của chính mình và ảnh hưởng của nó trên người học. Dựa trên những kiến thức lý thuyết về quá trình giảng dạy và học tập, giáo viên có thể phân tích, đi đến việc lập kế hoạch giảng dạy và thực hiện. Như vậy lý thuyết và thực hành sư phạm cùng nhau phát triển tạo điều kiện cho phát triển năng lực tiếp theo.

2.3. Vai trò của giáo viên trong chu trình học tập trải nghiệm

Khi giảng dạy theo mô hình học tập trải nghiệm, giảng viên cần xác định rõ vai trò của mình để lựa chọn được phương pháp dạy học hiệu quả tương ứng với bốn giai đoạn trong mô hình học tập trải nghiệm. Để giải quyết được vấn đề này, Kolb (Kolb, 2011) đã xây dựng hồ sơ “vai trò giảng dạy” để giúp giáo viên xác định được phương pháp giảng dạy ưa thích của họ và lập kế hoạch để áp dụng giảng dạy theo mô hình học tập trải

nghiệm. Vai trò giảng dạy là sự kết hợp của niềm tin về dạy học, mục tiêu học tập, phong cách giảng dạy và thực hành giảng dạy (Bảng 1) [3].

Bảng 1. Mối liên quan giữa niềm tin, mục tiêu, phong cách giảng dạy và thực hành giảng dạy với vai trò giảng dạy (Kolb, 2011)

Vai trò giảng dạy	Niềm tin: "học tập diễn ra tốt nhất khi ..."	Mục tiêu: "sinh viên của tôi phát triển ..."	Phong cách: "Là giáo viên, tôi thích được ..."	Thực hành: "Hình thức giảng dạy tôi thường sử dụng bao gồm ..."
Định hướng	Bắt đầu với những kinh nghiệm học tập	Sự đồng cảm và hiểu biết của người khác	Sáng tạo, nồng nhiệt, khẳng định	Thảo luận trong lớp, tạp chí, câu chuyện cá nhân
Chuyên gia	Khái niệm mới được tích hợp vào trong trí nhớ	Khả năng phân tích và khái niệm hóa	Sự hợp lý và uy thế, quyền lực, quyền chủ động	Bài giảng, bài đọc, bài viết
Đánh giá	Tiêu chuẩn rõ ràng và được cung cấp thông tin phản hồi	Kĩ năng giải quyết vấn đề	Cấu trúc, định hướng kết quả, mục tiêu	Các phòng thí nghiệm/ thực hành, bài tập về nhà
Huấn luyện	Trong một bối cảnh tình huống thực trong cuộc sống	Khả năng làm việc hiệu quả với những người khác	Áp dụng, hợp tác, chấp nhận rủi ro	Dự án, đóng vai, mô phỏng

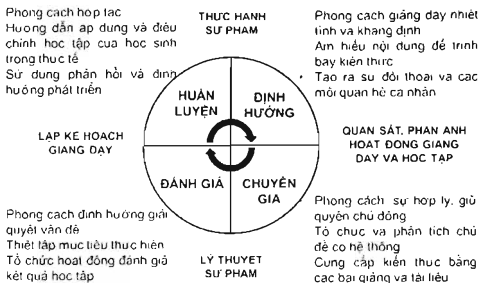
Qua Bảng 1 cho thấy, mỗi vai trò giảng dạy là một bộ khuôn mẫu của hành vi xuất hiện để đáp ứng với điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ học tập. Tương ứng với mỗi vai trò giảng dạy, sinh viên tham gia học tập một cách độc đáo, sử dụng một phương thức nắm bắt kinh nghiệm và một phương thức chuyển đổi kinh nghiệm.

Mối quan hệ của vai trò giảng dạy và mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT được minh họa trong Hình 3 [3].

Theo Hình 3, giảng viên phải tổ chức các hoạt động dạy học để giải quyết tất cả bốn giai đoạn học tập: 1- thực hành sơ phạm; 2- quan sát, phản ánh hoạt động giảng dạy và học tập; 3- nghiên cứu lí thuyết sơ phạm; 4- lập kế hoạch giảng dạy tạo ra một không gian học tập thuận lợi cho quá trình chuyển đổi các giai đoạn học tập khác nhau như đã được thể hiện trong Hình 2.

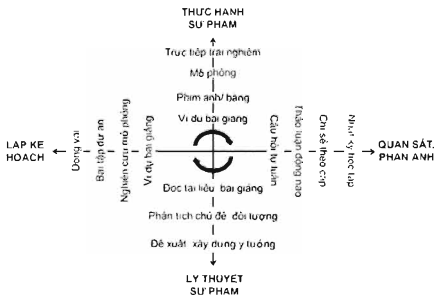
2.4. Định hướng một số hoạt động học tập dựa vào mô hình học tập trải nghiệm

Để giải quyết với các khó khăn mà giảng viên gặp phải khi áp dụng mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT, tác giả đề xuất mô hình hoạt động học tập tương ứng với



Hình 3. Vai trò của giảng dạy và mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT

bốn giai đoạn của mô hình học tập trải nghiệm nhằm định hướng thiết kế hoạt động giảng dạy. Mô hình hoạt động học tập được thể hiện trong Hình 4. Mô hình này định hướng cho giáo viên thiết kế giảng dạy kết hợp với các hoạt động học tập nhằm dẫn sinh viên thông qua đầy đủ các chu kỳ của việc học.



Hình 4. Hiệu quả của một số hoạt động học tập theo mô hình học tập trải nghiệm trong đào tạo GVKT

Trong Hình 4 cho thấy, giáo viên có thể lựa chọn và thiết kế các hoạt động học tập với sự tham gia chủ động của sinh viên tương ứng với bốn giai đoạn trong mô hình học tập trải nghiệm. Những hoạt động ở vành ngoài của mô hình cho phép một sự tham gia của sinh viên lớn hơn trong quá trình học tập, trong khi gần trung tâm sẽ hạn chế sự tham

gia của sinh viên.

3. Kết luận

Lí thuyết học tập trải nghiệm của Kolb có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên sư phạm kĩ thuật. Giảng dạy theo mô hình học tập trải nghiệm làm thay đổi vai trò của giảng viên trong giảng dạy. Đào tạo GVKT thông qua việc thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm của người học là con đường, cách thức hữu hiệu nhằm đạt chuẩn NVSP trong đào tạo GVKT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư Số: 08/2012/TT-BGDĐT, ngày 05 tháng 3 năm 2012, Ban hành *Quy định Chuẩn nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp*.
- [2] Đỗ Thế Hưng, Nguyễn Văn Hạnh, 2013. *Học tập trải nghiệm trong đào tạo giáo viên kĩ thuật đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 95, tr 28-31.
- [3] Nguyễn Văn Hạnh, 2013. *Lập kế hoạch dạy học dựa vào chu trình học tập trải nghiệm trong đào tạo nghề*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 94, Hiệp hội thiết bị giáo dục Việt Nam, tr 14-16.
- [4] Kolb, D., 1984. *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, N.J: Prentice-Hall.

ABSTRACT

The Use of Experiential Learning Theory in Technical Teacher Education

Kolb's Experiential Learning Theory is the most widely known of modern educational theories. It was developed when there was a movement from traditional to person-oriented education. The purpose of this article is to show how Kolb's Experiential Learning Theory can be implemented in Technical Teacher Education, as well as difficulties that might arise from the implementation.